



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

BẢN TIN SỐ 1529

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 28/10/2025 đến ngày 03/11/2025)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

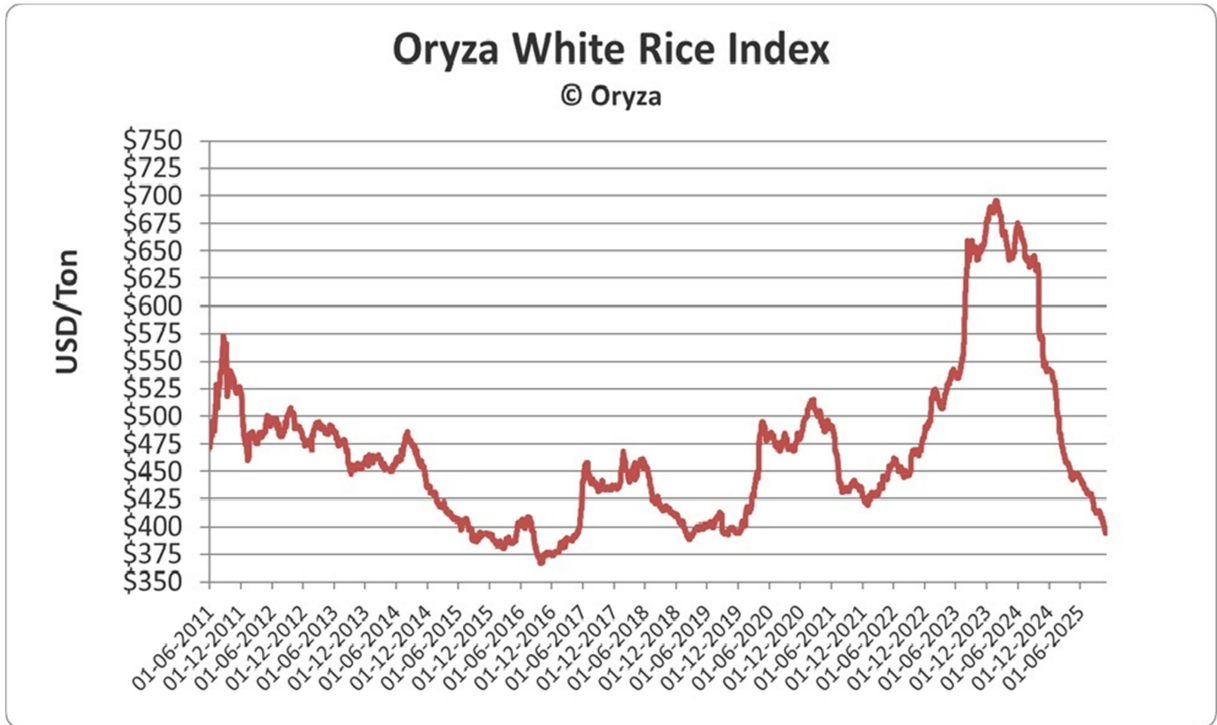
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

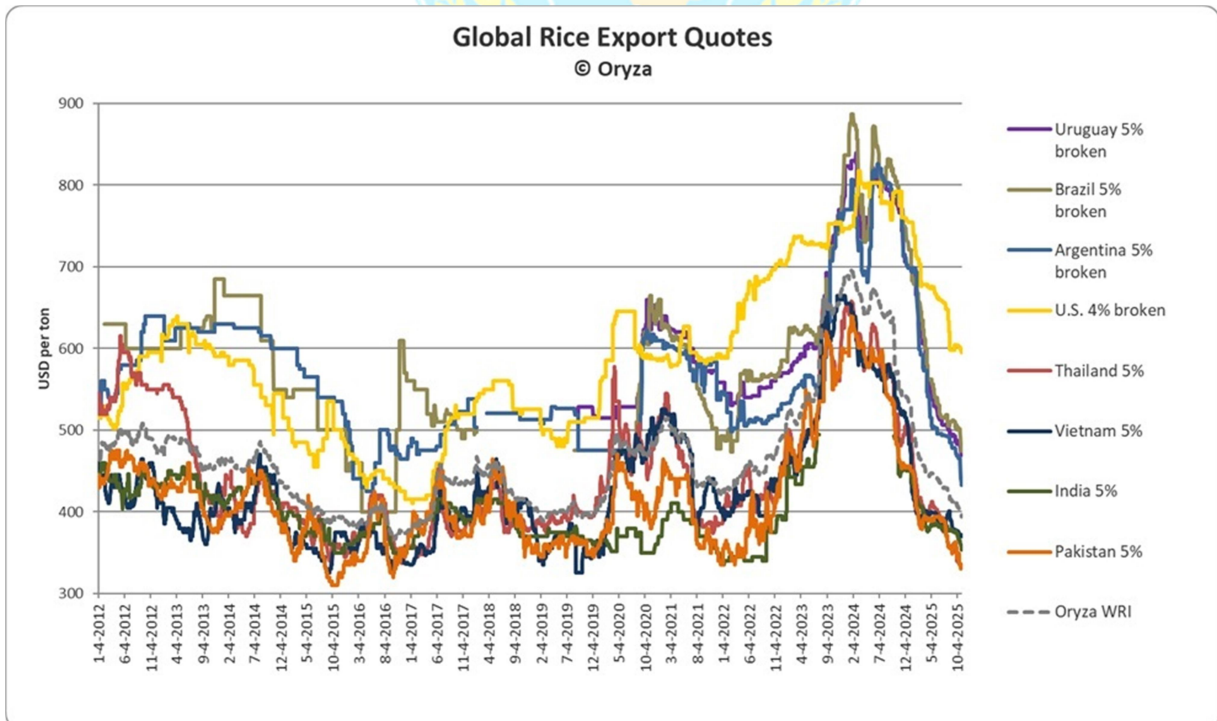
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	28 – 10		29 – 10		30 – 10		31 – 10	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	343	347	343	347	343	347	343	347
	5% tấm	333	337	333	337	333	337	333	337
	25% tấm	322	326	322	326	322	326	322	326
	Hom Mali 92%	1054	1058	1052	1056	1054	1058	1054	1058
	Gạo đỏ 100% Stxd	344	348	344	348	344	348	344	348
	A1 Super	314	318	313	317	313	317	313	317
VIỆT NAM	5% tấm	370	374	369	373	368	372	368	372
	25% tấm	353	357	353	357	353	357	353	357
	Gạo thơm 5% tấm	415	430	415	430	415	430	415	430
	Jasmine	478	482	476	480	476	480	476	480
	100% tấm	313	317	312	316	312	316	312	316
ẤN ĐỘ	5% tấm	355	359	354	358	351	355	351	355
	25% tấm	342	346	339	343	339	343	339	343
	Gạo đỏ 5% Stxd	350	354	350	354	350	354	350	354
	100% tấm Stxd	309	313	308	312	350	n/a	350	n/a
PAKISTAN	5% tấm	329	333	330	334	332	336	332	336
	25% tấm	309	313	309	313	311	315	311	315
	100% tấm Stxd	305	309	305	309	306	310	306	310
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	324	328	324	328	324	328	324	328
MỸ	4% tấm	593	597	593	597	593	597	593	597
	15% tấm (Sacked)	578	582	578	582	578	582	578	582
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	819	823	819	823	819	823	819	823

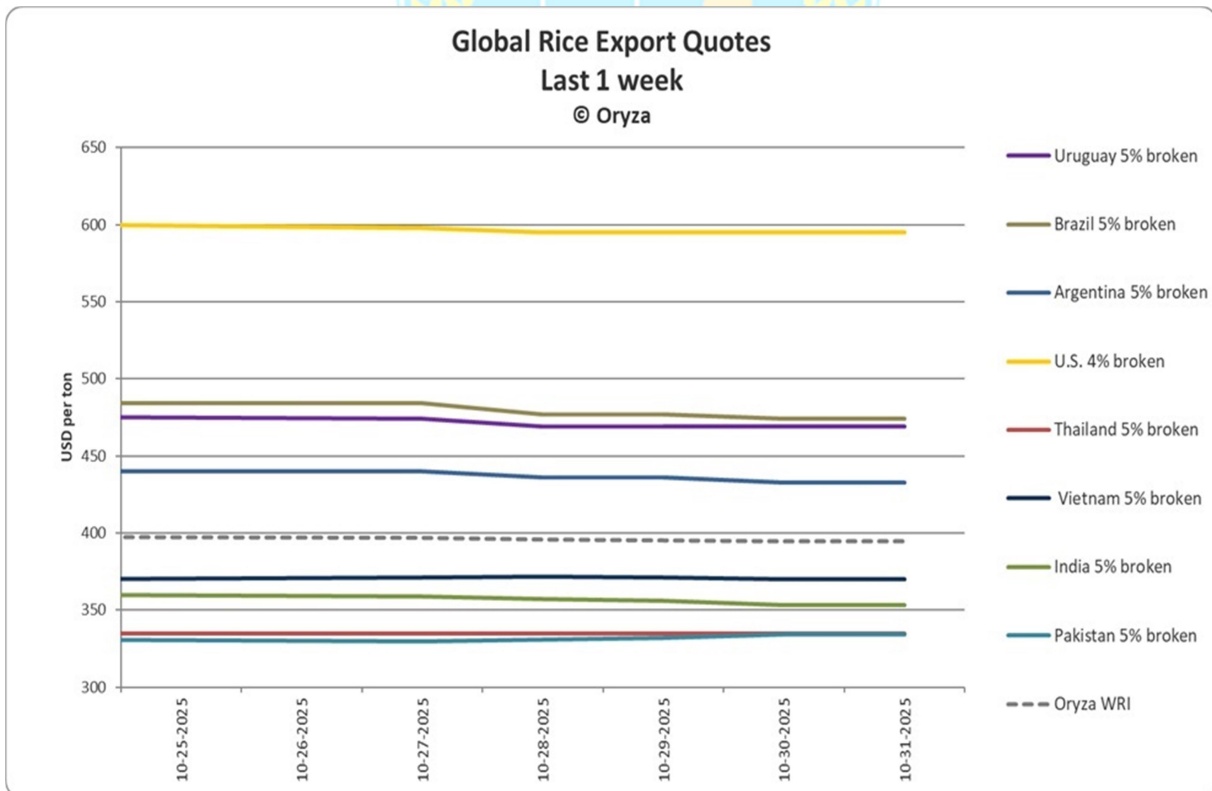
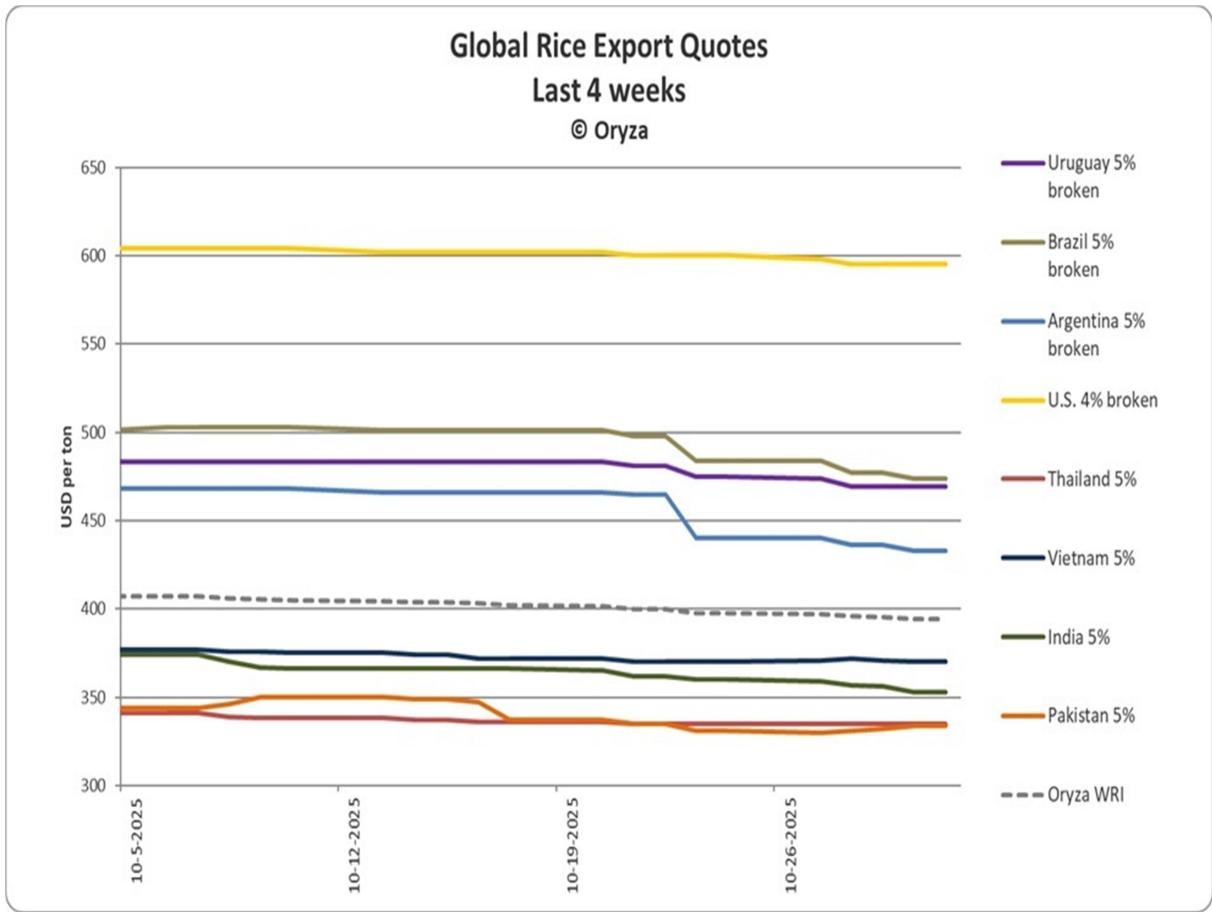
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 394 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tuần trước và giảm 16 USD/tấn so với tháng trước, giảm 151 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.





Theo cập nhật của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) ngày 23 tháng 10 năm 2025, các yếu tố cơ bản của thị trường gạo toàn cầu vẫn ổn định, với tăng nhẹ về sản xuất, thương mại và dự trữ.

Sản lượng gạo thế giới niên vụ 2024/25 được dự báo đạt 541 triệu tấn, tăng so với mức 525 triệu tấn của niên vụ 2023/24, trong khi tiêu thụ dự kiến đạt 533 triệu tấn. Tồn kho cuối kỳ dự báo tăng lên 185 triệu tấn, chủ yếu do lượng dự trữ cao hơn ở Ấn Độ bù đắp cho sản lượng giảm của Pakistan, với lượng tồn kho của các nước xuất khẩu lớn tăng lên 56 triệu tấn so với 49 triệu tấn của năm trước.

Trong niên vụ 2025/26, sản lượng dự báo tăng nhẹ lên 542 triệu tấn, tương ứng với mức tiêu thụ 540 triệu tấn, qua đó duy trì trạng thái cân bằng của thị trường. Tồn kho cuối kỳ dự kiến đạt 187 triệu tấn, trong đó dự trữ của các nước xuất khẩu tăng lên 59 triệu tấn.

Thương mại gạo toàn cầu năm 2026 được dự báo đạt 60 triệu tấn, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ nhu cầu tăng từ khu vực châu Phi.

Mặc dù nguồn cung và hoạt động thương mại tương đối ổn định, giá gạo thế giới đã giảm, với chỉ số phụ gạo trong Chỉ số Ngũ cốc và Hạt có dầu (GOI) của IGC giảm 5% xuống mức thấp nhất kể từ tháng 4 năm 2017, do nhu cầu toàn cầu yếu và áp lực mùa thu hoạch.

Butan

Sản lượng gạo năm 2024 của Bhutan ước tính đạt 41.000 tấn, thấp hơn khoảng 20% so với mức trung bình 5 năm, chủ yếu do diện tích trồng lúa bị thu hẹp khi đất canh tác được chuyển sang các loại cây trồng khác hoặc sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp. Tuy vậy, năng suất vẫn cao hơn mức trung bình, nhờ thời tiết thuận lợi và hệ thống tưới tiêu tốt, mặc dù một số huyện miền Nam đã gặp tình trạng khô hạn cục bộ.

Với sản lượng trong nước chỉ đáp ứng được khoảng hai phần ba nhu cầu tiêu dùng, Bhutan phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu gạo từ Ấn Độ.

Trong niên vụ 2024/25, tổng lượng ngũ cốc nhập khẩu được dự báo đạt 163.000 tấn - cao hơn 25% so với trung bình, bù đắp sản lượng giảm và nhu cầu tiêu thụ tăng.

Tuy nhiên, chính sách thương mại mở và mối quan hệ nhập khẩu ổn định với Ấn Độ vẫn đảm bảo nguồn cung gạo ổn định cho Bhutan.

Bangladesh

Theo tường thuật của Financial Express, Chính phủ Bangladesh đã gia hạn thời gian giao hàng gạo thơm xuất khẩu thêm một tháng sau khi nhận được đề nghị từ các doanh nghiệp xuất khẩu.

Bộ Thương mại Bangladesh trước đó đã phê duyệt xuất khẩu 18.150 tấn gạo thơm vào tháng 4/2025, với thời gian giao hàng ban đầu đến ngày 31 tháng 10, và hạn ngạch bổ sung 5.800 tấn được phê duyệt vào tháng 5, nay được gia hạn đến ngày 30 tháng 11. Trong năm tài chính 2023–2024, sản lượng gạo thơm của Bangladesh đạt 1,02 triệu tấn, vượt xa nhu cầu trong nước khoảng 400.000 tấn, cho thấy năng lực dư thừa để xuất khẩu. Các giống gạo thơm phổ biến như Chinigura, Kalijeera và Kataribhog đang được ưa chuộng mạnh tại Trung Đông, châu Âu và cộng đồng kiều bào Bangladesh ở nước ngoài. Các tập đoàn lớn như Ispahani, Square và Pran hiện đang xuất khẩu gạo đóng gói sang hơn 135 quốc gia, đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu.

Philippines

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) đang đẩy nhanh tiến độ các cuộc tham vấn trên toàn quốc để hoàn thiện việc sửa đổi Đạo luật Cộng hòa số 11203, hay còn gọi là Luật Thuế Gạo (Rice Tariffication Law – RTL), nhằm ổn định giá gạo và cải thiện phúc lợi cho nông dân. Các cải cách được đề xuất tập trung giải quyết tình trạng thu nhập của nông dân giảm sút, chênh lệch giữa chi phí nhập khẩu và giá bán lẻ, cũng như sự phụ thuộc ngày càng tăng của quốc gia vào nguồn gạo nước ngoài. Những thay đổi chính bao gồm khôi phục một phần quyền hạn cho Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) trong việc quản lý dự trữ an ninh lương thực và bình ổn giá, cùng với việc thành lập Chương trình Phát triển Ngành Lúa gạo Philippines trị giá 30 tỷ peso, được tài trợ bằng nguồn thu từ thuế nhập khẩu gạo, nhằm nâng cao năng suất và khả năng hồi phục của ngành. Sau các cuộc tham vấn gần đây tại Cagayan de Oro và Thành phố Quezon, các dự thảo sửa đổi dự kiến sẽ được trình lên Quốc hội trước phiên họp ngày 10 tháng 11, theo chỉ đạo của Tổng thống nhằm đảm bảo lợi ích công bằng cho cả nông dân và người tiêu dùng, cũng như sự đồng thuận của các nhà lập pháp rằng những sửa đổi trước đây là chưa đầy đủ.

Giá gạo tại Philippines dự báo sẽ giảm trong quý cuối năm nay khi vụ thu hoạch mới trong nước và lượng nhập khẩu bổ sung giúp tăng nguồn cung nội địa, theo Bộ trưởng An ninh Lương thực. Quốc gia này, một trong những nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới, đã phải đối mặt với lạm phát lương thực cao kéo dài ở mức 8,7% trong tháng 8 – mức cao nhất trong hơn 5 năm, do giá gạo tăng mạnh. Trong khi Ngân hàng Trung ương Philippines vẫn thận trọng sau đợt tăng lãi suất đầu tiên trong ba năm, các quan chức cho rằng giá cả có thể ổn định, trừ khi xảy ra các cơn bão lớn. Hiện giá gạo xay sát kỹ khoảng 1 USD/kg, tăng 13% so với năm ngoái, trong bối cảnh sản lượng

giảm 2% so với mục tiêu của Chính phủ là 19,07 triệu tấn. Để bù đắp thiếu hụt, chính phủ có kế hoạch tăng nhập khẩu, có thể nâng tổng lượng nhập khẩu miễn thuế lên 1,7 triệu tấn – mức cao nhất trong bốn năm, sau khi đấu thầu 500.000 tấn gần đây bị hủy do giá chào cao.

Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) của Philippines, phối hợp với Chính phủ Nhật Bản, đã khởi động dự án xây dựng kho gạo hiện đại trị giá 800 triệu peso (tương đương 13,56 triệu USD) tại Thành phố Cauayan, tỉnh Isabela, nhằm tăng cường an ninh lương thực quốc gia. Cơ sở này sẽ tích hợp các công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, như máy xay xát gạo tự động, máy sấy cơ học công suất lớn, hệ thống lưu trữ thông minh và các silo ngoài trời để giảm thất thoát sau thu hoạch và bảo quản chất lượng hạt gạo. Dự án được tài trợ một phần từ ngân sách hạ tầng trị giá 146 triệu peso của NFA, và thiết bị được Nhật Bản cung cấp, với mục tiêu tăng cường thu mua lúa trực tiếp từ nông dân, đảm bảo giá bán công bằng và cải thiện thu nhập của họ. Được lãnh đạo địa phương đánh giá cao là đòn bẩy thúc đẩy kinh tế khu vực, nhà kho hiện đại này hiện đang được xây dựng và sẽ là mô hình mẫu cho hiện đại hóa nông nghiệp, với một dự án tương tự được lên kế hoạch tại thành phố Roxas, tỉnh Isabela.

Nhật Bản

Bộ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) thông báo rằng cơ quan này đã mua 59.000 tấn gạo trong đợt đấu thầu nhập khẩu thông thường lần thứ năm của năm tài chính 2025–2026, được tổ chức vào ngày 17 tháng 10 năm 2025. Khối lượng mua bao gồm 52.000 tấn gạo tẻ hạt trung bình không dẻo từ Hoa Kỳ và 7.000 tấn gạo tẻ hạt dài đã đánh bóng từ Thái Lan. Giá nhập khẩu bình quân đạt 136.812 JPY/tấn (khoảng 895 USD/tấn) chưa bao gồm thuế, và 147.757 JPY/tấn (khoảng 966 USD/tấn) đã bao gồm thuế.

Hàn Quốc

Tổng Công ty Thương mại Nông – Thủy sản & Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã phát hành phiên đấu thầu quốc tế để mua khoảng 78.744 tấn gạo. Theo thông báo đăng trên trang web của cơ quan này, hạn chót nộp báo giá được ấn định vào 15:00 (giờ Hàn Quốc) ngày 4 tháng 11 năm 2025, sau đó phiên đấu thầu qua mạng sẽ được tiến hành từ 9:30 đến 11:30 (giờ Hàn Quốc) vào ngày 5 tháng 11 năm 2025.

Châu Mỹ

Uruguay, giá gạo 5% tằm hiện được báo giá khoảng 469 USD/tấn, giảm khoảng 6 USD/tấn so với một tuần trước, giảm khoảng 19 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm khoảng 297 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Argentina, giá gạo 5% tấm hiện được báo giá khoảng 433 USD/tấn, giảm khoảng 7 USD/tấn so với một tuần trước, giảm khoảng 37 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm khoảng 347 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm hiện được báo giá khoảng 474 USD/tấn, giảm khoảng 10 USD/tấn so với một tuần trước, giảm khoảng 32 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm khoảng 311 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng gạo năm 2025 của Brazil tăng lên 12,8 triệu tấn – cao hơn mức trung bình 5 năm – nhờ diện tích gieo trồng mở rộng 10% và điều kiện thời tiết thuận lợi tại Rio Grande do Sul và Mato Grosso. Sản lượng cao đã thúc đẩy tiềm năng xuất khẩu và giảm nhu cầu nhập khẩu. Trong khi đó, giá gạo bán buôn trong nước giảm từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2025 do nguồn cung nội địa dồi dào, duy trì thấp hơn mức năm 2024 và cho thấy điều kiện thị trường ổn định.

Mexico, Tổng thống Mexico Claudia Sheinbaum thông báo rằng hoa kỳ đã gia hạn thời hạn thương mại với Mexico thêm vài tuần, hoãn kế hoạch tăng thuế đối với một số hàng hóa Mexico từ 25% lên 30%, vốn dự kiến có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11. Quyết định này, được đưa ra sau cuộc điện đàm giữa bà Sheinbaum và Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump, đã xoa dịu những lo ngại của thị trường về căng thẳng thương mại leo thang và nguy cơ Mexico áp đặt biện pháp đáp trả đối với hàng hóa của Hoa Kỳ như gạo. Khi cả hai nhà lãnh đạo đều ghi nhận tiến triển trong đàm phán về các rào cản phi thuế quan, đồng peso Mexico đã tăng khoảng 0,5%, khi giới đầu tư xem đây là tín hiệu tích cực về ổn định và hợp tác. Việc gia hạn này trái ngược với cách tiếp cận cứng rắn hơn của Hoa Kỳ đối với Canada, qua đó củng cố sự lạc quan ngắn hạn đối với tài sản Mexico và duy trì niềm tin vào dòng chảy thương mại Bắc Mỹ.

Hoa Kỳ, giá gạo 4% tấm hiện được báo giá khoảng 595 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với một tuần trước, giảm khoảng 9 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm khoảng 180 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Hoa Kỳ và Trung Quốc đã đạt thỏa thuận tạm đình chỉ việc áp phí cảng lẫn nhau đối với các tàu của hai nước trong vòng một năm, cho thấy dấu hiệu tạm lắng trong tranh chấp thương mại hàng hải.

Hoa Kỳ đã áp dụng loại phí này từ giữa tháng 10 trong khuôn khổ cuộc điều tra về sự thống trị của Trung Quốc trong ngành đóng tàu, khiến Trung Quốc đáp trả bằng các khoản phí tương tự. Sau khi Washington quyết định tạm ngừng biện pháp này, Bắc Kinh cũng đình chỉ các khoản phí của mình. Động thái này giúp giảm chi phí vận chuyển và hạ nhiệt căng thẳng thương mại toàn cầu, mặc dù Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Jamieson Greer nhấn

mạnh rằng Washington vẫn tập trung vào việc phục hồi ngành đóng tàu của mình, phối hợp cùng các đồng minh Nhật Bản và Hàn Quốc. Trước đó, Trung Quốc đã trừng phạt các công ty con của tập đoàn Hàn Quốc Hanwha Ocean tại Mỹ vì tham gia hỗ trợ cuộc điều tra của Hoa Kỳ.

Châu Âu

Tính đến ngày 26 tháng 10 năm 2025, trong niên vụ 2025/26, Liên minh châu Âu (EU) ghi nhận lượng nhập khẩu gạo giảm 14% và xuất khẩu tăng 35% so với cùng kỳ năm trước. Từ ngày 1 tháng 9 đến ngày 26 tháng 10 năm 2025, EU đã nhập khẩu 168.427 tấn gạo (quy đổi gạo xay xát), giảm so với 196.523 tấn cùng kỳ niên vụ 2024/25. Lượng gạo nhập khẩu chủ yếu bao gồm gạo xay xát và gạo xát dôi (107.426 tấn) và gạo xát (61.000 tấn), trong đó gạo Indica chiếm ưu thế (134.848 tấn) so với gạo Japonica (33.578 tấn). Miến Điện (22,1%), Campuchia (21,3%), Thái Lan (18,6%), Ấn Độ (18,5%) và Pakistan (12,7%) là những nhà cung cấp hàng đầu. Về xuất khẩu, EU đã xuất 43.141 tấn gạo, chủ yếu là gạo xay xát và bán xay xát (37.031 tấn), trong đó gạo Japonica chiếm 27.495 tấn. Thị trường xuất khẩu chủ lực gồm Vương quốc Anh (48,2%), Thụy Sĩ (24%), Belarus (7,7%) và Na Uy (3,3%).

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Hoạt động giao dịch tuần qua yên ắng, phân khúc gạo basmati vẫn ít sôi động khi các thương nhân tập trung tham gia Hội nghị Lúa gạo Quốc tế Bharat (BIRC) 2025 diễn ra vào ngày 30-31/10/2025 ở New Delhi. Giá chào gạo 5% tấm kết thúc tuần khoảng 353 USD/tấn, giảm 7 USD/tấn so với tuần trước và giảm khoảng 21 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 92 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Reuters, các nhà xuất khẩu gạo đang chuẩn bị ký kết các hợp đồng mới với khách hàng từ những thị trường mới nổi như Iraq, Indonesia và Ả Rập Xê-út. Liên đoàn Các Nhà Xuất khẩu Gạo Ấn Độ (IREF) đã chọn ra các thị trường tiềm năng mới, bao gồm cả Nhật Bản và Mexico nhằm cung cấp các giống gạo phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng thị trường, góp phần tăng thu nhập cho nông dân.

Tại Hội nghị Lúa gạo Quốc tế Bharat (BIRC) 2025, Chủ tịch Liên đoàn Các Nhà Xuất khẩu Gạo Ấn Độ (IREF) cho biết mục tiêu nâng thị phần xuất khẩu gạo toàn cầu của Ấn Độ từ 40% lên 60%. Chỉ trong ngày đầu tiên của hội nghị, đã có các hợp đồng thương mại trị giá khoảng 25.000 crore rupee (tương đương 2,82 tỷ USD) được ký kết.

Bão nhiệt đới Montha vừa qua đã gây thiệt hại hơn 145 ngàn hecta lúa, ảnh hưởng nghiêm trọng tại các khu vực gieo trồng của nước này. Lượng mưa lớn và gió mạnh do bão gây ra đã khiến nhiều cánh đồng lúa bị đổ ngã, đặc biệt ở khu vực phía Nam.

Thái Lan

Giá gạo trắng kết thúc tuần ổn định ở mức cao nhờ giá gạo nội địa ổn định và tỷ giá đồng baht so với đồng USD mạnh hơn, góp phần hỗ trợ phân khúc xuất khẩu. Giá chào gạo 5% tằm ở mức khoảng 335 USD/tấn, ít biến động so với tuần trước, nhưng giảm khoảng 15 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 152 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Giá chào gạo đỏ khoảng 345 USD/tấn, nhưng đa phần khách hàng chỉ trả khoảng 340 USD/tấn hoặc thấp hơn, do đó vẫn chưa ghi nhận nhiều giao dịch mới.

Miến Điện

Thị trường gạo tuần qua biến động nhẹ do biến động tỷ giá và tình hình chính trị khi nước này tiến gần đến kỳ bầu cử. Nhiều thương nhân tạm ngưng chào giá để chờ tỷ giá ổn định.

Tại Hội nghị Gạo Quốc tế Bharat (BIRC) 2025, Chủ tịch Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF) cho biết nước này đặt mục tiêu xuất khẩu kỷ lục 3 triệu tấn trong niên vụ 2025–2026 nhờ nhu cầu mạnh từ Trung Quốc, ưu đãi thuế quan tại EU và các cải cách hướng đến sản xuất bền vững.

Pakistan

Giá chào gạo 5% tằm hiện ở mức khoảng 334 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 22 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 127 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường xuất khẩu tuần qua vẫn trầm lắng khi người mua chờ giá giảm thêm. Nhiều nhà xuất khẩu đang tạm ngưng chào giá do giá nội địa tiếp tục tăng nhờ nhu cầu ổn định từ ngành chăn nuôi.

Xuất khẩu gạo của Pakistan giảm 28% so với cùng kỳ do rào cản về chính sách và quy định gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu: lãi suất vay vốn xuất khẩu cao, thay đổi chính sách thuế, đồng nội tệ tăng giá khiến nước này mất lợi thế cạnh tranh.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	28 – 10	29 – 10	30 – 10	31 – 10	03 – 11
Trung Quốc (CNY/USD)	7,11	7,10	7,10	7,11	7,11
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,87

Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16.615,58	16.597,45	16.558,94	16.642,66	16632,06
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,22	4,20	4,19	4,20	4,19
Philippines Peso (PHP/USD)	58,91	59,14	58,70	58,88	58,73
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.432,97	1.432,95	1.420,99	1.430,65	1427,78
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	153,10	152,15	151,92	154,16	154,01
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	88,24	88,22	88,34	88,65	88,89
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,37	2.099,42	2.099,25	2.099,46	2099,81
Pakistan Rupees (PKR/USD)	282,38	282,64	282,21	282,52	280,89
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,71	32,30	32,29	32,39	32,24
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.358,05	26.321,31	26.377,34	26.349,00	26328,95

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 03/11/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 763 ngàn ha/742 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 102,8%, diện tích thu hoạch được 402 ngàn ha với năng suất 56,77 tạ/ha, sản lượng đạt 2,28 triệu tấn

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 172 ngàn ha/175 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 92,57%.

+ Vụ Đông Xuân 2025-2026 đã xuống giống được 186 ngàn ha/1,266 triệu ha.

II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 – 31/10/2025 có 12 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 100.500 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Amore	HCM	03/09/2025	40.000	Châu Phi
2	HPC Unity	HCM	19/09/2025	24.000	Châu Phi
3	Ocean Bright	Mỹ Thới	21/09/2025	6.200	Hàn Quốc
4	Quang Minh 18	HCM	21/09/2025	3.500	Malaysia
5	Ocean Beauty	HCM	23/09/2025	50.000	Châu Phi

Bản tin 1529 (Từ Ngày 28/10/2025 Đến Ngày 03/11/2025)

6	Tân An 01	HCM	03/10/2025	4.800	Philippines
7	Quang Minh 29	HCM	05/10/2025	5.800	Malaysia
8	Quang Minh 9	HCM	06/10/2025	4.500	Malaysia
9	An Thịnh Phú 08	HCM	07/10/2025	6.200	Malaysia
10	Jade	HCM	10/10/2025	50.000	Châu Phi
11	Hoàng Phương Star	HCM	13/10/2025	4.400	Malaysia
12	Hoàng Phương Vigor	HCM	13/10/2025	4.400	Malaysia
13	Vinh 02	HCM	22/10/2025	4.900	Malaysia
14	Mekong	Mỹ Thới	24/10/2025	4.000	Philippines
15	Quang Minh 18	HCM	24/10/2025	3.500	Malaysia
16	Quang Minh 9	HCM	25/10/2025	4.400	Malaysia
17	TTC An Bình	HCM	29/10/2025	4.000	Malaysia
18	Vinh Quang Glory	HCM	29/10/2025	3.100	Philippines
19	Quang Minh 5	HCM	30/10/2025	4.500	Malaysia
20	Waimea	HCM	30/10/2025	45.000	Châu Phi
Tổng				232.700	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	23/10	+/-	23/10	+/-	23/10	+/-	23/10	+/-	23/10	+/-	23/10	+/-	23/10	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.250	-	5.200	-250	5.200	-50	5.150	-50	5.200	-	5.650	-	5.650	-	5.650	5.329
Lúa thường	5.150	-	5.050	-200	5.150	-	5.100	-50	5.125	-	5.150	-100	5.050	-	5.150	5.111
Lúa Khô/Uớt Tại Kho																
Hạt dài	6.650	-	6.450	-250	6.500	-	6.350	-	6.450	-			6.950	-	6.950	6.558
Lúa thường	6.450	-	6.250	-200	6.200	-	6.300	-	6.350	-			6.150	-	6.450	6.283
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	8.050	-	8.200	+100	8.050	-100	8.050	-	8.050	+100			8.750	-	8.750	8.192
Lứt loại 2	7.950	-	8.050	+50	7.850	-200	7.950	-	7.950	+50	8.050	-	7.850	-	8.050	7.950
Xát trắng loại 1			9.050	-			9.050	-	9.050	-25	9.750	-	9.750	-	9.750	9.330
Xát trắng loại 2			9.050	-			8.850	-	8.750	+25	9.050	-	8.950	-	9.050	8.930
Phu Phẩm																
Tám 1/2	7.450	-	7.500	+100	7.400	-150	7.400	+75	7.200	-	7.500	-50	7.250	-	7.500	7.386
Tám 2/3			7.300	+50	7.200	-300			7.150	-			6.950	+200	7.300	7.150
Tám 3/4	6.950	-	7.200	-	7.100	-150									7.200	7.083
Cám xát	6.950	-	7.250	+450	7.150	-175	7.200	-100	7.350	-	7.350	-	6.950	+900	7.350	7.171
Cám lau	6.950	-	7.200	+400	7.150	-175	7.200	-100	7.350	-	7.350	-	7.050	+900	7.350	7.179
Gạo TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.300	-	9.450	-	9.100	-	9.300	-	9.300	-	9.450	-	9.350	-	9.450	9.321
10%			9.350	-					9.100	-					9.350	9.225
15%	9.100	-	9.250	-	8.900	-	9.100	-	8.900	-	9.250	-	9.050	-	9.250	9.079
20%									8.600	-					8.600	8.600
25%	8.900	-	8.600	-	8.700	-	8.600	-	8.300	-	8.900	-	8.750	-	8.900	8.679
